

Số: 142/BC-CTK

Hưng Yên, ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên
tháng Ba và quý I năm 2021

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Tuy nhiên, trong những tháng đầu năm 2021, việc triển khai vắc-xin hiệu quả và các nền kinh tế đối phó tốt hơn với dịch Covid-19 thì triển vọng kinh tế toàn cầu đã được cải thiện rõ rệt những tháng gần đây. Theo Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến tăng 4% trong năm 2021 sau khi giảm 4,3% trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Quỹ Tiền tệ Quốc tế nhận định, nền kinh tế toàn cầu sau khi tăng trưởng âm 3,5% vào năm 2020, dự kiến sẽ tăng 5,5% vào năm 2021. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã chèo lái vượt qua đại dịch thành công, kinh tế vẫn duy trì được khả năng chống chịu, GDP tăng trưởng 2,91% trong năm 2020 – là một trong những mức tăng trưởng cao nhất thế giới và đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2021 khoảng 6% (Theo Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11/11/2020 của Quốc hội), nhờ các yếu tố nền tảng kinh tế vững chắc, các biện pháp kiểm soát dịch quyết liệt và sự hỗ trợ đúng trọng tâm của Chính phủ.

Đối với tỉnh Hưng Yên, tình hình phát triển kinh tế, xã hội cũng chịu tác động của dịch Covid-19, song, do nhanh chóng kiểm soát không để dịch lây lan diện rộng nên mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đối với kinh tế địa phương là không lớn. Quý I/2021, một số chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội vẫn đạt khá, cụ thể như sau:

1. Diện tích gieo cấy lúa đông xuân đạt 27.850 ha, đạt 99,29% kế hoạch (KH 28.050 ha);
2. Sản lượng chăn nuôi đạt 35.679 tấn, tăng 3,12%;
3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,07%;
4. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn đạt 8.966 tỷ đồng, tăng 5,16%;
5. Số dự án đầu tư nước ngoài tăng mới 2 dự án, số vốn đăng ký mới 75,53 triệu USD;
6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ đạt 10.841 tỷ đồng, tăng 4,13%;
7. CPI bình quân 3 tháng đầu năm giảm 0,96% so với cùng kỳ năm trước;
8. Thu ngân sách đạt 4.828 tỷ đồng, tăng 36,12%; trong đó thu nội địa 4.000 tỷ đồng, tăng 48,35%;
9. Dư nợ tín dụng đạt 68.400 tỷ đồng, tăng 0,25% so với thời điểm 31/12/2020.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông nghiệp, thủy sản

a) Trồng trọt

Sản xuất vụ đông: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ đông toàn tỉnh đạt 8.016,34 ha, giảm 197,67 ha, tương ứng giảm 2,41% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: diện tích gieo trồng ngô 1.488,72 ha, giảm 21,47% (giảm 396,0 ha); cây lấy củ có chất bột 429,39 ha, giảm 26,47% (giảm 154,60 ha); cây có hạt chứa dầu 291,30 ha, tăng 12,19% (tăng 31,66 ha); rau, đậu, hoa các loại 5.388,99 ha, tăng 3,91% (tăng 202,74 ha), gồm: rau các loại 4.904,03 ha, tăng 3,73% (tăng 176,28 ha); đậu các loại 117,62 ha, tăng 12,70% (tăng 13,25 ha); hoa các loại 367,34 ha, tăng 3,73% (tăng 13,21 ha); cây hàng năm khác (cây gia vị, dược liệu hàng năm) 230,95 ha, giảm 31,51% (giảm 106,25 ha).

Những năm gần đây, diện tích gieo trồng cây vụ đông không ổn định mà có xu hướng giảm dần. Nguyên nhân diện tích gieo trồng giảm là do chuyển đổi diện tích trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm (cây ăn quả), cây cảnh các loại diễn ra mạnh mẽ ở tất cả các địa phương trong tỉnh; việc chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp. Thêm vào đó, nhân lực phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm do giá trị ngày công từ trồng cây vụ đông thấp hơn so với các ngành sản xuất phi nông nghiệp, dẫn đến nhiều lao động ở nông thôn chưa thiết tha với sản xuất vụ đông, ảnh hưởng đến đầu tư thâm canh và mở rộng diện tích.

Đến nay, các địa phương trong tỉnh đã cơ bản kết thúc thu hoạch cây vụ đông. Vụ đông năm nay, từ khi gieo trồng đến khi thu hoạch thời tiết tương đối thuận lợi, mặc dù trong thời kỳ sinh trưởng và phát triển gặp đợt rét đậm, rét hại và sâu bệnh nhưng không ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của cây trồng. Vì vậy, hầu hết các loại cây rau màu vụ đông năm nay đều cho năng suất khá. Năng suất, sản lượng một số loại cây trồng như sau: năng suất ngô đạt 57,71 tạ/ha, tăng 1,53% (tăng 0,87 tạ/ha), sản lượng ngô 8.361 tấn, giảm 20,26% (giảm 2.124 tấn) so với cùng kỳ năm 2020; năng suất khoai lang 150,23 tạ/ha, tăng 0,07% (tăng 0,11 tạ/ha), sản lượng 2.844 tấn, giảm 32,78% (giảm 1.387 tấn); năng suất cây đậu tương 17,18 tạ/ha, giảm 1,46 tạ/ha (giảm 7,83%), sản lượng thu được 363 tấn, tăng 23,58% (tăng 69 tấn); năng suất rau các loại 241,95 tạ/ha, giảm 0,45% (giảm 1,09 tạ/ha), sản lượng rau các loại 118.652 tấn, tăng 3,59% (tăng 4.112 tấn);...

Sản xuất vụ xuân: Vụ lúa xuân năm nay, toàn tỉnh có kế hoạch gieo cấy 28.050 ha, trong đó phần đầu gieo cấy hơn 19 nghìn ha lúa chất lượng cao (chiếm 70,51% diện tích gieo trồng) bằng các giống lúa như: Nếp thơm Hưng Yên, Đài Thơm 8, Hương Thơm 1... Cùng với đó, tăng cường mở rộng diện tích gieo cấy các giống lúa lai chiếm khoảng 20-24% diện tích (khoảng 7-8 nghìn ha) như: Thiên Ưu 8, TBR279, ADI 28,... Tiếp tục thực hiện cánh đồng mẫu lớn tại một số địa phương.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất vụ xuân, thời gian qua, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã tích cực chỉ đạo một số công việc trọng tâm như: cung cấp đủ lượng thóc giống, kể cả giống dự phòng cho nông dân trong tỉnh; theo chỉ đạo của Trung ương, lịch lấy nước đở ải gieo cấy vụ đông xuân năm nay tổng cộng 18 ngày, gồm 3 đợt (đợt 1 từ 12/01 - 15/01; đợt 2 từ 26/01 - 02/02; đợt 3 từ 22/02 - 27/02), tập trung huy động 100% trạm bơm, kể cả trạm bơm do xã quản lý hoạt động phục vụ công việc đở ải khi có nguồn nước, chủ động trữ nước trong các ao, hồ, sông trực, không tháo nước ra sông ngoài gây lãng phí, ảnh hưởng việc tưới dưỡng lúa sau gieo cấy; kiểm tra, giám sát công tác đặt bả, rải bả diệt chuột theo đúng kỹ thuật; chỉ đạo bà con nông dân không gieo mạ và cấy lúa khi trời rét đậm, rét hại dưới 15⁰C.

Sau một tháng bắt tay vào gieo cấy, đến nay, toàn tỉnh đã cơ bản kết thúc với tổng diện tích gần 28 nghìn ha lúa, bảo đảm đúng lịch thời vụ, trong đó diện tích gieo thẳng chiếm trên 29% diện tích, còn lại chủ yếu cấy mạ non (mạ gieo trên nền đất cứng). Hiện nay, lúa xuân sau gieo cấy đã bén rễ hồi xanh, một số diện tích ở giai đoạn đẻ nhánh. Nông dân các địa phương đang tập trung bón thúc đợt 2 và phòng trừ những diện tích bị nghẹt rễ, ngộ độc hữu cơ; diệt chuột, ốc bươu vàng hại lúa theo hướng dẫn của ngành chuyên môn.

Theo tiến độ sản xuất nông nghiệp, đến ngày 19/3/2021, diện tích lúa được chăm sóc lần 2 là 22.647 ha. Toàn tỉnh gieo trồng 6.104 ha cây rau vụ xuân, trong đó ngô 757 ha; đậu tương, lạc 477 ha; rau các loại 3.330 ha, còn lại là dược liệu, hoa, cây cảnh. Nhìn chung, sản xuất vụ xuân năm nay có nhiều thuận lợi, đó là thời tiết nắng ấm, không có rét hại; nguồn nước dồi dào, các địa phương sớm chủ động bơm nước đở ải, làm đất nên hầu hết diện tích lúa, rau màu được gieo trồng trong khung thời vụ tốt nhất.

Cây lâu năm: Tình hình sản xuất cây lâu năm của tỉnh vẫn ổn định và phát triển. Tổng diện tích hiện có cây lâu năm trên địa bàn tỉnh đạt 15.216 ha, chủ yếu cây ăn quả (chiếm 93,41% diện tích). Thời điểm này, các nhà vườn tranh thủ thời tiết khô ráo, chủ động phun phòng trừ bệnh sương mai và sâu lưu trú qua đông trên nhãn, vải và cây có múi để bảo vệ hoa và lộc non theo đúng hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Toàn tỉnh có khoảng 4,6 nghìn ha nhãn, được trồng nhiều tại các huyện Khoái Châu, TP Hưng Yên, trong đó huyện Khoái Châu là địa phương có diện tích trồng nhãn lớn nhất tỉnh với khoảng 1,6 nghìn ha. Đến nay, có trên 90% diện tích nhãn đã phát giò hoa, cao hơn so với trung bình nhiều năm, hứa hẹn 1 vụ nhãn được mùa.

Ngay sau tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, tất cả các địa phương trong tỉnh đã đồng loạt ra quân phát động tết trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ”- Xuân Tân Sửu 2021. Đến ngày 19/3/2021, toàn tỉnh đã trồng được 209.205 cây xanh, trong đó có 181.195 cây ăn quả và 28.010 cây bóng mát.

b) Chăn nuôi

Trong quý I, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ an toàn đàn gia súc, gia cầm phục vụ Nhân dân trong dịp tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, bổ sung kịp thời lượng giống chăn nuôi để thay thế đàn gia súc, gia cầm đã giết mổ trong dịp Tết. Hiện nay, ngành chức năng của tỉnh đang tích cực kiểm kê số lượng gia cầm trong diện tiêm vắc-xin phòng cúm để triển khai tiêm phòng vụ xuân cho toàn bộ đàn gia cầm đến tuổi. Tổ chức triển khai “Tháng hành động vệ sinh tiêu độc khử trùng” trên quy mô toàn tỉnh. Khuyến khích các hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, nâng cao sức đề kháng của vật nuôi trong thời điểm giao mùa, tiến hành rà soát số lượng gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng vụ xuân.

Do thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nên từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh không xuất hiện dịch bệnh, chăn nuôi gia súc và gia cầm vẫn bảo đảm ổn định, quy mô và sản lượng đạt khá. Hiện nay, giá bán thịt lợn hơi trên thị trường bình quân từ 72.000-76.000 đồng/kg đã tạo tâm lý cho người chăn nuôi yên tâm sản xuất và tái đàn, vì vậy tổng đàn lợn dự báo tiếp tục tăng trở lại trong thời gian tới.

Thời điểm 01/3/2021, tổng đàn gia súc, gia cầm trong tỉnh có dấu hiệu phục hồi, nhất là đàn lợn. So với cùng thời điểm năm trước, ước tính đàn trâu đạt 4.035 con, tăng 3,70%; đàn bò 31.825 con, giảm 2,32%; đàn lợn 453.210 con, tăng 8,52%; đàn gia cầm 9.750 nghìn con, tăng 4,28%. Sản lượng chăn nuôi quý I/2021 ước đạt: trâu hơi xuất chuồng 111 tấn, tăng 5,71% so với cùng kỳ năm 2020; bò hơi xuất chuồng 1.032 tấn, tăng 2,09%; lợn hơi xuất chuồng 22.410 tấn, tăng 3,03%; gia cầm hơi xuất chuồng 12.126 tấn, tăng 3,25%.

c) Thủy sản

Diện tích nuôi trồng thủy sản quý I năm 2021 đạt 5.657 ha, phần lớn là nuôi thâm canh và bán thâm canh. Sản phẩm nuôi trồng chủ yếu vẫn là những giống cá trắm, chày, chép hoặc rô phi và một số giống cá khác cho năng suất cao hoặc có giá trị trên thị trường. Quý I/2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 11.718 tấn, tăng 6,14% (tăng 678 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá chiếm chủ yếu, ước đạt 11.470 tấn.

Tình hình khai thác thủy sản tiếp tục có xu hướng giảm xuống. Ước sản lượng khai thác quý I đạt 164 tấn, giảm 3,82% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó: khai thác cá 132 tấn; tôm và thủy sản khác 32 tấn. Khai thác thủy sản giảm chủ yếu do nguồn nước bị ô nhiễm và việc đánh bắt không khoa học.

2. Sản xuất công nghiệp

Trong quý I/2021, trên địa bàn tỉnh đã có ca lây nhiễm dịch Covid-19, tỉnh Hưng Yên đã chủ động kịp thời khoanh vùng, dập dịch, quản lý chặt chẽ các đối tượng có nguy cơ bị lây nhiễm Covid-19 nên tình hình dịch bệnh nhanh chóng được kiểm soát, không ảnh hưởng nhiều đến sản xuất công nghiệp thời gian qua. Bên cạnh đó, các cấp, các ngành và toàn hệ thống chính trị của tỉnh

tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư; giải ngân vốn đầu tư công; hỗ trợ thúc đẩy xuất nhập khẩu, từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế, xã hội; bảo đảm an sinh xã hội và đã đạt được thành công bước đầu quan trọng trong thực hiện mục tiêu kép.

So với cùng kỳ năm 2020, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Ba tăng 6,28%. Trong đó: công nghiệp khai khoáng giảm 6,11%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,39%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,74%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,22%.

Tính chung quý I, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,07% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: công nghiệp khai khoáng giảm 7,19%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,70%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,84%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 13,32%. Một số sản phẩm có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước như: thức ăn gia súc tăng 3,50%; nước khoáng không có ga tăng 7,68%; nước ngọt tăng 33,18%; giày dép khác chưa được phân vào đâu tăng 17,38%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) tăng 3,60%; sản phẩm bằng plastic khác tăng 15,36%; sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ tăng 5,57%; đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser chưa ghi tăng 15,06%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 14,04%;...

Tuy vậy, cũng có một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước như: mì, phở, miến, bún, cháo ăn liền giảm 2,85%; thức ăn cho gia cầm giảm 2,60%; bao bì bằng plastic giảm 35,64%; gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm giảm 30,69%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) giảm 26,93%; sắt thép các loại giảm 1,09%; động cơ đa năng một chiều/xoay chiều có công suất >37,5W giảm 19,54%; dây cách điện đơn dạng cuộn khác giảm 4,81%; phụ tùng khác của xe có động cơ giảm 20,52%;...

3. Hoạt động đầu tư, xây dựng

Tổng vốn đầu tư phát triển quý I ước đạt 8.966.013 triệu đồng, tăng 5,16% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn đầu tư phát triển phân theo nguồn vốn như sau: Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước đạt 449.831 triệu đồng, giảm 13,31%; vốn trái phiếu Chính phủ 35.350 triệu đồng, giảm 57,48%; vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch nhà nước 25.690 triệu đồng, giảm 79,41%; vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực nhà nước) 74.830 triệu đồng, tăng 60,82%; vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước 5.535 triệu đồng, giảm 38,09%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 4.316.550 triệu đồng, tăng 16,18%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 3.649.577 triệu đồng, tăng 4,47%; vốn huy động khác 408.650 triệu đồng, tăng 97,03%.

Vốn đầu tư phát triển phân theo khu vực kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản 189.838 triệu đồng, giảm 6,86%; công nghiệp và xây dựng 4.885.740 triệu đồng, giảm 7,57%; thương mại, dịch vụ 3.890.435 triệu đồng, tăng 28,14%.

Thực hiện vốn đầu tư ngân sách địa phương tháng Ba ước đạt 154.780 triệu đồng, giảm 1,25% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 68.060 triệu đồng, giảm 6,56%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 59.160 triệu đồng, tăng 5,02%; vốn ngân sách cấp xã đạt 27.560 triệu đồng, giảm 0,03%. Tính chung quý I năm 2021, vốn đầu tư ngân sách địa phương ước đạt 428.491 triệu đồng, giảm 9,15% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 196.589 triệu đồng, giảm 7,76%; vốn ngân sách cấp huyện 163.985 triệu đồng, giảm 5,88%; vốn ngân sách cấp xã 67.917 triệu đồng, giảm 19,44%.

Hoạt động đầu tư nước ngoài: Tính đến 22/3/2021, toàn tỉnh có 486 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 5.451.474 nghìn USD, trong đó, từ đầu năm đến nay có 2 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký là 75.530 nghìn USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: *Thứ nhất* là Nhật Bản có 167 dự án, vốn đăng ký là 3.362.452 nghìn USD, chiếm 61,68% tổng vốn đăng ký; *thứ hai* là Hàn Quốc có 140 dự án, vốn đăng ký 761.944 nghìn USD, chiếm 13,98% tổng vốn đăng ký; *thứ ba* là Trung Quốc có 111 dự án, vốn đăng ký 694.268 nghìn USD, chiếm 12,74% tổng số vốn đăng ký.

4. Thương mại, dịch vụ và giá cả

a) Bán lẻ hàng hoá và dịch vụ

Dịch Covid-19 tái bùng phát đã gây ảnh hưởng tới các ngành kinh tế, nhất là đối với ngành dịch vụ. Tuy nhiên, trong tháng qua, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, các hoạt động buôn bán thương mại, dịch vụ dần trở lại bình thường. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Ba ước đạt 3.538.921 triệu đồng, tăng 2,05% so với tháng trước và tăng 7,60% so cùng kỳ năm 2020. Tính chung quý I, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ đạt 10.840.791 triệu đồng, tăng 4,13% so cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I ước đạt 7.822.827 triệu đồng, chiếm 72,16% tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ và tăng 6,34% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: lương thực, thực phẩm tăng 2,27%; hàng may mặc tăng 9,30%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 12,03%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 5,18%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 8,34%; ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 4,34%; phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng) tăng 11,86%; xăng, dầu các loại tăng 8,20%; đá quý, kim loại quý tăng 8,20%...

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành quý I ước đạt 400.036 triệu đồng, chiếm 3,69% tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ và giảm 0,69% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: dịch vụ lưu trú ước đạt 11.622 triệu đồng, giảm 20,94%; dịch vụ ăn uống 386.604 triệu đồng, tăng 0,40%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch 1.810 triệu đồng, giảm 40,29%.

Doanh thu dịch vụ khác quý I ước đạt 2.617.928 triệu đồng, chiếm 24,15% tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ và giảm 1,26% so với cùng kỳ năm 2020.

b) Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Ba giảm 0,19% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, 4 nhóm có chỉ số giá giảm là: hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,34%; đồ uống và thuốc lá giảm 0,04%; may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,91%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,24%. Có 6 nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng, gồm: nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,30%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,36%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; giao thông tăng 2,52%; bưu chính, viễn thông tăng 0,02%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,21%; riêng nhóm giáo dục vẫn ổn định so với tháng trước.

So với tháng 12/2020, Chỉ số giá tiêu dùng Ba tăng 1,76%. Trong đó: hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 1,73%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,34%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 0,17%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,64%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,59%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,09%; dịch vụ giao thông tăng 6,85%; bưu chính, viễn thông giảm 0,73%; văn hóa, thể thao, giải trí tăng 0,22%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,27%; riêng nhóm giáo dục vẫn ổn định so với tháng 12/2020.

So với tháng cùng kỳ năm 2020, Chỉ số giá tiêu dùng tháng Ba giảm 0,16%. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 2,03% (lương thực tăng 0,98%; thực phẩm giảm 3,09%; ăn uống ngoài gia đình tăng 1,71%); đồ uống và thuốc lá giảm 0,62%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 1,90%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,76%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,20%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,17%; dịch vụ giao thông giảm 0,60%; dịch vụ bưu chính, viễn thông giảm 2,25%; giáo dục tăng 0,15%; văn hóa, thể thao, giải trí giảm 1,17%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,51%.

Bình quân chung quý I năm 2021, Chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,96% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống giảm 1,28%; đồ uống và thuốc lá giảm 1,18%; hàng may mặc, mũ nón, giày, dép tăng 2,59%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,40%; thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,11%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,18%; dịch vụ giao thông giảm 6,55%; bưu chính, viễn thông giảm 2,12%; dịch vụ giáo dục tăng 0,16%; dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí giảm 1,74%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,20%.

Một số yếu tố tác động đến giảm chỉ số giá tiêu dùng trong ba tháng đầu năm 2021, bao gồm:

(1) Giá các mặt hàng thực phẩm tươi sống giảm trong và sau tết Nguyên đán, trong đó thịt gia súc giảm 0,86%; thịt gia cầm giảm 3,30%; thủy sản tươi sống giảm 0,82%; rau tươi khô và chế biến giảm 25,53%; quả tươi chế biến giảm 2,09%...

(2) Do áp dụng biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nên người dân hạn chế đi lại, tập trung ăn uống làm lượng tiêu dùng nhóm đồ uống, thuốc lá quý I năm 2021 giảm 1,18% so với cùng kỳ năm trước.

(3) Giá điện trong tháng Hai áp dụng theo Công văn số 9764/BCT-ĐTĐL của Bộ Công Thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đợt 2. Vì vậy chỉ số giá điện trong quý I giảm 4,49% cùng kỳ năm trước.

(4) Mặt hàng thiết bị đồ dùng gia đình giảm 0,11% so với quý I năm 2020, giảm trên một số mặt hàng: tủ lạnh giảm 1,74%; máy giặt giảm 2,38%; giường tủ bàn ghế giảm 0,55%.

(5) Giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng 4 đợt, tổng cộng giá xăng A95 tăng 2.410 đồng/lít, giá xăng E5 tăng 2.210 đồng/lít, giá dầu diesel tăng 2.030 đồng/lít. Bình quân quý I năm 2021, giá xăng dầu tăng 10,25% so với tháng 12 năm 2020 và giảm 9,69% so với cùng kỳ năm trước.

(6) Thực hiện giãn cách xã hội nên nhóm hàng văn hóa, giải trí và du lịch giảm 1,74% so cùng kỳ, đặc biệt giá hoa, cây cảnh trong và sau tết Nguyên đán đã giảm 18,69% so cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh những những yếu tố tác động giảm, các yếu tố tác động tăng đến chỉ số giá trong ba tháng đầu năm 2021 như:

(1) Giá các mặt hàng lương thực tăng 5,49% so với cùng kỳ năm 2020 do nhu cầu mua lương thực sử dụng cho tết Nguyên đán.

(2) Nhu cầu mua các mặt hàng quần áo may sẵn trong dịp Tết tăng, quý I năm 2021 chỉ số giá nhóm này tăng 3,55% so với cùng kỳ năm 2020.

(3) Giá gas từ đầu tháng Một đến nay đã tăng 3 lần liên tiếp, tổng mức tăng 51.000 đồng/bình 12kg, bình quân chỉ số giá gas quý I năm 2021 tăng 7,21% so với cùng kỳ năm trước.

c) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Thị trường vàng trong tháng luôn biến động không ngừng do tác động bởi các yếu tố từ thị trường thế giới và tâm lý người mua trong nước. Tại thời điểm cuối tháng Ba, giá vàng có xu hướng giảm. Bình quân tháng Ba, giá vàng ở mức 5.302.970 đồng/chi, giảm 3,69% so với tháng trước. Đồng đô la Mỹ tháng Ba tăng 0,08% so với tháng trước, mức giá bình quân 23.132 đồng/USD.

5. Hoạt động vận tải

a) Hoạt động vận tải hành khách

Hoạt động vận tải hành khách chịu ảnh hưởng mạnh của dịch Covid-19 tái bùng phát từ đầu năm 2021. Tuy nhiên, từ đầu tháng Ba đến nay, dịch bệnh phần nào được kiểm soát nên hoạt động vận tải từng bước khởi sắc trở lại. Vận tải hành khách tháng Ba ước đạt 1.376 nghìn lượt người vận chuyển và 77.163 nghìn lượt người luân chuyển, lần lượt giảm 7,63% về lượt người vận chuyển và giảm 7,87% về lượt người luân chuyển so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 67.079 triệu đồng, giảm 5,01%.

Tính chung quý I, vận tải hành khách ước đạt 4.116 nghìn lượt người vận chuyển và 231.152 nghìn lượt người luân chuyển, lần lượt giảm 8,12% về lượt người vận chuyển và giảm 8,35% về lượt người luân chuyển so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 204.138 triệu đồng, giảm 11,34%.

b) Hoạt động vận tải hàng hoá

Mặc dù hoạt động vận tải hàng hoá cũng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 tái bùng phát trở lại trong thời gian qua, song mức độ ảnh hưởng nhẹ hơn. Vận tải hàng hoá tháng Ba ước đạt 3.141 nghìn tấn vận chuyển và 128.506 nghìn tấn luân chuyển, lần lượt tăng 9,94% về tấn hàng hoá vận chuyển và tăng 8,49% về tấn hàng hoá luân chuyển so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu vận tải hàng hoá ước đạt 380.787 triệu đồng, tăng 10,33%.

Tính chung quý I, vận tải hàng hoá ước đạt 9.698 nghìn tấn vận chuyển và 403.512 nghìn tấn luân chuyển, lần lượt tăng 0,62% về tấn hàng hoá vận chuyển và tăng 1,22% về tấn hàng hoá luân chuyển so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu vận tải hàng hoá ước đạt 1.162.587 triệu đồng, tăng 1,40%.

6. Hoạt động tài chính, ngân hàng

a) Thu ngân sách nhà nước

Thu ngân sách tháng Ba ước đạt 1.478.325 triệu đồng, tăng 27,0% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: thu nội địa 1.189.791 triệu đồng, tăng 45,16%; thuế xuất nhập khẩu 288.534 triệu đồng, giảm 16,23%. Một số khoản thu trong tháng dự tính như sau: thu từ DNNN 10.498 triệu đồng, giảm 37,07%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 99.897 triệu đồng, tăng 1,0%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 373.037 triệu đồng, tăng 81,70%; thu lệ phí trước bạ 29.852 triệu đồng, giảm 3,49%; thu thuế thu nhập cá nhân 101.783 triệu đồng, tăng 1,07%; các khoản thu về nhà đất 518.899 triệu đồng, tăng 65,76%;...

Quý I năm 2021, thu ngân sách nhà nước ước đạt 4.827.581 triệu đồng, tăng 36,12% so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 35,51% kế hoạch. Trong đó: thu nội địa 4.000.000 triệu đồng, tăng 48,35%; thuế xuất nhập khẩu 827.581 triệu đồng, giảm 2,65%. Một số khoản thu nội địa như sau: thu từ DNNN 74.000 triệu đồng, tăng 17,13%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 560.000 triệu đồng, tăng 15,90%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.230.000 triệu đồng, tăng 93,88%; thu lệ phí trước bạ 90.000 triệu đồng, tăng 1,56%; thuế thu nhập cá nhân 315.000 triệu đồng, tăng 5,84%; các khoản thu về nhà đất 1.558.500 triệu đồng, tăng 66,28%; các khoản thu khác 33.000 triệu đồng, giảm 32,27%.

b) Chi ngân sách nhà nước

Tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 22/3/2021, chi ngân sách nhà nước địa phương đạt 2.691.388 triệu đồng, đạt 27,51% kế hoạch năm. Trong đó: chi đầu tư phát triển 1.361.735 triệu đồng, đạt 44,28% kế hoạch; chi thường xuyên 1.329.653 triệu đồng, đạt 19,82% kế hoạch. Một số lĩnh vực chi thường xuyên như sau: chi sự nghiệp kinh tế 74.448 triệu đồng; chi giáo dục, đào tạo 500.704 triệu đồng; chi sự nghiệp y tế 107.198 triệu đồng; chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao 20.567 triệu đồng; chi đảm bảo xã hội 129.685 triệu đồng; chi quản lý hành chính 361.683 triệu đồng; chi khác 125.393 triệu đồng.

c) Hoạt động ngân hàng

Ước tính đến 31/3/2021, tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng đạt 97.952.959 triệu đồng, tăng 2,17% so với thời điểm 31/12/2020. Trong đó: nguồn vốn huy động trong dân cư và các tổ chức kinh tế đạt 90.960.118 triệu đồng, tăng 2,37% và chiếm 92,86% tổng nguồn vốn.

Tổng dư nợ đối với nền kinh tế ước tính đến thời điểm 31/3/2021 đạt 68.399.555 triệu đồng, tăng 0,25% so với thời điểm 31/12/2020. Trong đó: dư nợ cho vay ngắn hạn 47.717.615 triệu đồng, giảm 0,86%; dư nợ cho vay trung và dài hạn 20.681.940 triệu đồng, tăng 2,92%. Dư nợ cho vay bằng nội tệ 65.687.854 triệu đồng, giảm 0,19%; dư nợ cho vay bằng ngoại tệ 2.711.701 triệu đồng, tăng 12,36%.

Về chất lượng tín dụng: Nợ xấu (nhóm 3,4,5) là 780.131 triệu đồng (chiếm 1,14% tổng dư nợ), tăng 2,35% so với thời điểm 31/12/2020.

II. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

1. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

a) Đời sống dân cư

Bước sang những tháng đầu năm 2021, tỉnh Hưng Yên đã tích cực, chủ động chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới nên đến nay, dịch Covid-19 đã được kiểm soát chặt chẽ, tình hình sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân từng bước ổn định trở lại.

Đời sống của cán bộ, công nhân viên chức và lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước cơ bản ổn định so với cùng kỳ năm trước. Đối với người lao động làm việc trong các doanh nghiệp và các tổ chức, đơn vị, cá nhân ngoài nhà nước, việc làm và đời sống một bộ phận không nhỏ người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại. Để ứng phó và thích ứng với tác động của dịch Covid-19, một số doanh nghiệp bị ảnh hưởng đã phải áp dụng nhiều giải pháp phù hợp với tình hình như: Đẩy mạnh thương mại điện tử, tìm kiếm thị trường mới, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, chuyển đổi sản phẩm, cắt giảm chi phí, thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh,... nhanh chóng chuyển hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.

Các chủ trương, chính sách, gói hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, Ngành, địa phương được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là kịp thời và phù hợp. Thực tế, nhiều doanh nghiệp đã được hưởng lợi từ các chính sách, từ đó khắc phục khó khăn, từng bước duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, người lao động cơ bản đã quay trở lại doanh nghiệp hoặc tìm được công việc mới có thu nhập bảo đảm cuộc sống cho bản thân và gia đình. Trong 3 tháng đầu năm 2021, các chính sách về tiền lương, thưởng Tết cho người lao động được bảo đảm trả đầy đủ và kịp thời theo quy định. Mức thưởng tết dương lịch năm 2021 trung bình là 300 nghìn đồng; mức thưởng tết Nguyên đán trung bình là 6,1 triệu đồng, cao nhất là 25 triệu đồng, thấp nhất là 4 triệu đồng.

b) An sinh xã hội

Nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, toàn tỉnh tổ chức thăm, tặng quà khoảng 122 nghìn lượt người có công, gia đình liệt sỹ, người cao tuổi, các đối tượng xã hội; tổng kinh phí dành chi cho các hoạt động thăm, tặng quà trên 61,819 tỷ đồng (trong đó ngân sách tỉnh trên 43 tỷ đồng), tăng 7,859 tỷ đồng so với Tết nguyên đán Canh Tý năm 2020. Cụ thể như sau:

Thăm và trao tặng 34.503 suất quà của Chủ tịch nước và 34.570 suất quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ tỉnh tới các gia đình chính sách, người có công; các trung tâm chăm sóc người có công trong và ngoài tỉnh.

Tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tròn 90 tuổi và tròn 100 tuổi; thăm, tặng quà cho 31.712 người cao tuổi ở các độ tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100 và trên 100 tuổi.

Hỗ trợ 6.011 hộ nghèo và 767 đối tượng đang nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh ăn tết Nguyên đán.

Toàn tỉnh thăm, tặng quà, trợ giúp (bằng tiền và hiện vật) cho 2.711 lượt trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo với số tiền 894,71 triệu đồng, chủ yếu từ nguồn Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp.

Ngoài ra, có 2.952 lượt đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác đã nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ cộng đồng trong dịp tết Nguyên đán với số tiền 828,8 triệu đồng.

Tỉnh đã tiếp nhận hồ sơ và giải quyết kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng xã hội. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày Công tác xã hội Việt Nam 25/3. Triển khai các hoạt động truyền thông về bảo vệ trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới hướng tới bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Hoạt động văn hóa, thể thao

a) Hoạt động văn hóa

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên các hoạt động văn hóa, văn nghệ cũng bị ảnh hưởng. Ngày 30/01/2021, UBND tỉnh ban hành văn bản hỏa tốc số 208/UBND-KGVX về việc không tổ chức bắn pháo hoa đêm giao thừa tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 để bảo đảm các yêu cầu của công tác phòng, chống dịch Covid-19. Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật tạm dừng, đóng cửa các di tích từ ngày 14/02/2021 đến hết ngày 9/3/2021.

Tuy nhiên, từ đầu tháng Ba đến nay, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, các hoạt động kinh tế, xã hội được hoạt động trở lại trong trạng thái bình thường mới, các hoạt động biểu diễn nghệ thuật được hoạt động, mở cửa đối với các di tích trên địa bàn tỉnh. Toàn tỉnh đã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, tăng cường chỉnh trang băng rôn, khẩu hiệu, các loại cờ, cổng chào đối với các ngày lễ, ngày kỷ niệm của đất nước, của tỉnh trên các tuyến đường chính của các huyện, thị xã, thành phố nhằm góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, tạo mỹ quan đường phố.

b) Hoạt động thể dục thể thao

Trong quý I năm 2021, do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ngành chuyên môn đã hướng dẫn, chỉ đạo các cấp, ngành, đơn vị, cá nhân tổ chức tập luyện thể dục thể thao bằng các hình thức phù hợp, nâng cao sức khỏe để phòng, chống dịch bệnh; tạm dừng tổ chức các hoạt động thi đấu, giao lưu thể thao trong toàn tỉnh.

Thực hiện tốt công tác đào tạo, huấn luyện đối với các vận động viên tham gia thi đấu các giải quốc gia năm 2021. Theo kế hoạch, năm 2021 thể thao thành tích cao của tỉnh đặt mục tiêu tham gia thi đấu 44 giải thể thao quốc gia và giành 140 huy chương các loại. Rà soát, đánh giá lực lượng vận động viên, tiến hành thải loại những vận động viên không còn khả năng phát triển, tuyển mới bổ sung để đào tạo, huấn luyện, thi đấu.

3. Hoạt động y tế

Tính đến ngày 18/3/2021, tỉnh Hưng Yên ghi nhận 3 trường hợp dương tính với Covid-19 (các bệnh nhân số 2060, 2062 và 2063) và 1 trường hợp bệnh nhân tái dương tính với Covid-19 (bệnh nhân số 2063). Công tác thu dung, cách ly, điều trị những trường hợp có liên quan đến người nhiễm Covid-19 hoặc người đi từ vùng dịch về tỉnh đều được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo an toàn.

Ngày 11/3/2021, tại Trung tâm Y tế thành phố Hưng Yên đã diễn ra buổi tiêm vắc-xin phòng Covid-19. Đây là điểm đầu tiên tổ chức tiêm vắc-xin phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Từ ngày 12/3/2021, việc tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho các đối tượng thuộc nhóm ưu tiên theo quy định được đồng loạt tổ chức ở các huyện, thị xã, thành phố trong toàn tỉnh. Đến ngày 17/3/2021, tỉnh Hưng Yên cơ bản hoàn thành việc tiêm vắc-xin phòng Covid-19 đợt 1 năm 2021. Toàn tỉnh có 2.492 người được tiêm vắc-xin phòng Covid-19. Đây là những người thuộc đối tượng ưu tiên tuyến đầu phòng, chống dịch. Qua theo dõi sức khỏe sau tiêm, đa phần những người được tiêm vắc-xin phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh sức khỏe bình thường, một số người sưng, đau tại chỗ tiêm, sốt nhẹ,... không ghi nhận phản ứng bất thường sau tiêm.

4. Bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ

Quý I năm 2021 (từ ngày 16/12/2020 đến ngày 15/3/2021), trên địa bàn toàn tỉnh đã phát hiện 34 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 29 vụ, xử phạt 1.175 triệu đồng. Riêng trong tháng 3, tỉnh Hưng Yên không xảy ra vụ vi phạm môi trường nào. Nguyên nhân vi phạm chủ yếu của các vụ việc là: vi phạm gây ô nhiễm môi trường, việc xả thải vượt quá tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường của các doanh nghiệp, vi phạm không có giấy tờ kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ quan chức năng, không rõ nguồn gốc xuất xứ và khai thác cát bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

Trong tháng 3 (tính từ 16/02/2021 đến 15/3/2021), trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ cháy nào. Quý I năm 2021 (tính từ 16/12/2020 đến 15/3/2021), toàn tỉnh xảy ra 3 vụ cháy (đều xảy ra vào tháng 01/2021), không có vụ nổ.

5. An toàn giao thông

Theo số liệu của Ban An toàn giao thông tỉnh Hưng Yên, từ ngày 15/02/2021 đến 14/3/2021, toàn tỉnh xảy ra 9 vụ tai nạn giao thông, đều là tai nạn đường bộ, làm chết 4 người, làm bị thương 8 người. So với tháng trước, số vụ tai nạn giảm 1 vụ, giảm 10,0%; số người chết giảm 5 người, giảm 55,56%; số người bị thương tăng 1 người, tăng 14,29%. Tính từ đầu năm đến hết ngày 14/3/2021, toàn tỉnh đã xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông, đều là tai nạn đường bộ, làm chết 21 người, làm bị thương 22 người. So với cùng kỳ năm 2020, số vụ tai nạn giảm 13 vụ, giảm 30,23%; số người chết giảm 14 người, giảm 40,0%; số người bị thương giảm 1 người, giảm 4,35%.

Khái quát lại: Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và khó lường, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân, với tinh thần “chống dịch như chống giặc” và thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đến nay, tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh được kiểm soát, phát triển kinh tế trong quý I tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Thu hút đầu tư và hoạt động doanh nghiệp có nhiều khởi sắc, thu ngân sách tăng, hoạt động tín dụng ngân hàng duy trì ổn định; công tác an sinh, xã hội được quan tâm thực hiện hiệu quả, thiết thực; cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh có nhiều tiến bộ; an ninh và trật tự an toàn xã hội duy trì ổn định.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên tháng Ba và quý I năm 2021./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Đ/c Bí thư, Phó Bí thư TTTU, TVTU;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh uỷ;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Đào Trọng Truyền